

Quyết định số: 21/2024/HS-GĐT

Ngày 01 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuệ

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm gồm có: Ông Lê Văn Minh, ông Ngô Hồng Phúc, ông Nguyễn Văn Dũng và ông Nguyễn Biên Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lại Viết Quang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

Trương Thị Mỹ L sinh năm 1973; trú tại thôn Đắc B, xã Đắc N, huyện Đắc H, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; con ông Trương Quang C (đã chết) và bà Phan Thị K; có chồng là ông Đỗ Văn Đ (đã chết) và 02 con (con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1999); bị bắt giam ngày 12/10/2018; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Gia T, Cục C10, Bộ Công an.

*** Bị hại:** Bà Vũ Thị P, Giám đốc Công ty TNHH MTV Phúc L; địa chỉ: Tổ 2, phường Ngô M, tỉnh lộ 675, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Võ Văn Đ1, trú tại Số 74 A D, tổ 7, phường Duy T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

2. Chị Đỗ Thị Lệ T và chị Đỗ Thị T1, cùng trú tại thôn Đắc B, xã Đắc N, huyện Đắc H, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trương Thị Mỹ L là chủ Doanh nghiệp tư nhân Lê Đ, kinh doanh buôn bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tại thôn Đắc B, xã Đắc N, huyện Đắc H, tỉnh Kon Tum. Trong thời gian từ ngày 16/3/2016 đến ngày 22/9/2017, L có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của Công ty TNHH MTV Phúc L (sau đây viết tắt là Công ty Phúc L), do bà Vũ Thị P làm Giám đốc. Trong quá trình giao dịch mua bán, ngày 02/5/2016 hai bên có ký kết hợp đồng kinh tế nguyên tắc,

với thỏa thuận bên bán Vũ Thị P (Công ty Phúc L) bán cho bên mua Trương Thị Mỹ L hàng hóa là phân bón và thuốc bảo vệ thực vật các loại. Bên mua có trách nhiệm thanh toán cho bên bán 100% giá trị đơn hàng sau 05 ngày, nếu sau 05 ngày bên mua vẫn chưa thanh toán thì sẽ tính lãi suất là 0,8%/tháng. Năm 2016, hai bên tất toán công nợ vào ngày 25/12/2016; năm 2017 tất toán công nợ vào cuối năm dương lịch.

Quá trình mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật giữa Trương Thị Mỹ L và bà Vũ Thị P được chia làm 03 giai đoạn cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1: từ ngày 16/3/2016 đến ngày 14/10/2016, Công ty Phúc L bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật các loại cho Trương Thị Mỹ L 67 lần với tổng số tiền là 3.769.550.000 đồng. Mỗi lần mua hàng L đều gọi điện thoại cho bà Vũ Thị P để trao đổi, thống nhất về số lượng, loại hàng. Sau đó bà P cho nhân viên của Công ty lập hóa đơn (phiếu giao hàng, xuất hàng) và chở số lượng phân cùng thuốc bảo vệ thực vật giao tại nhà cho L. Mỗi lần giao hàng cho L, nhân viên lái xe của Công ty Phúc L đều đưa phiếu giao hàng và sổ ghi nợ cho L ký, nếu L trả tiền mua phân cho bà P thì nhân viên giao hàng ký nhận mang về giao cho Công ty Phúc L, cũng có khi bà P đến gặp L để cho L ký sổ và bà P nhận tiền do L trả. Từ ngày 16/3/2016 đến ngày 14/10/2016, L đã thanh toán cho Công ty Phúc L 30 lần với số tiền là 953.820.000 đồng, số tiền còn lại là 2.815.730.000 đồng L chưa thanh toán (do giá cả phê thấp nên L chưa bán được hàng) và đề nghị cho nợ qua năm 2017 sẽ trả, bà P đồng ý. Từ ngày 07/3/2017 đến ngày 26/3/2017, L đã trả hết số tiền nợ của năm 2016 cho Công ty Phúc L với tổng số tiền là 2.985.000.000 đồng.

- Giai đoạn 2: từ ngày 02/02/2017 đến ngày 13/4/2017, Trương Thị Mỹ L mua hàng của bà Vũ Thị P 12 lần với tổng số tiền mua hàng là 433.510.000 đồng, L đã trả cho bà P 03 lần với tổng số tiền 118.000.000 đồng, còn nợ 315.510.000 đồng. Đến ngày 07/7/2017, L trả trực tiếp cho bà P 300.000.000 đồng, L viết vào sổ có nội dung: ngày 07/7/2017 nhận của L 300.000.000 đồng, bà P ký nhận, số tiền còn lại 15.510.000 đồng. L viết cho bà P một tờ giấy nhận nợ với số tiền 28.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 15.510.000 đồng + tiền lãi suất trả chậm là 0,8% như hai bên đã thỏa thuận). Đến ngày 26/01/2018, L đã nộp cho Cơ quan điều tra 28.000.000 đồng để trả cho bà P. Như vậy, L đã thanh toán hết cho Công ty Phúc L số tiền gốc và lãi của việc mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của giai đoạn này.

- Giai đoạn 3: từ ngày 26/3/2017 đến ngày 22/9/2017, Trương Thị Mỹ L mua hàng của bà Vũ Thị P 31 lần, với nhiều loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật có đơn giá khác nhau, với tổng số tiền mua hàng là 3.345.450.000 đồng, thể hiện như sau:

Khoảng đầu tháng 3/2017, bà Vũ Thị P rủ Trương Thị Mỹ L đi xem bói ở huyện Chư P, tỉnh Gia Lai. Nghe lời thầy bói phán là năm 2017 L không được tuổi đứng ra ký nhận hàng của bà P, nên L nói với bà P cho L nhờ ông Võ Văn Đ1 ký và nhận hàng giúp L, bà P đồng ý. Sau đó, L gặp và nhờ ông Đ1, ông Đ1 đồng ý. Vì vậy, từ ngày 26/3/2017 đến ngày 22/9/2017 cứ mỗi lần đặt mua hàng

với bà P, L đều báo cho ông Đ1 biết và ông Đ1 tới kho Công ty Phúc L của bà P ký nhận nợ vào sổ mua hàng, phiếu giao hàng, kiểm tra đủ số lượng, chủng loại hàng, bốc xếp lên xe ô tô tải của L do anh Vi Văn H và anh Đỗ Văn T2 (đều là lái xe do L thuê) chở hàng về giao tại nhà cho L. Hôm nào lái xe bận không đi chở hàng được thì ông Đ1 thuê anh Nguyễn Hoàng D chở hàng về giao, L trả tiền xe cho anh D.

Từ ngày 26/3/2017 đến ngày 22/9/2017, Trương Thị Mỹ L nhờ ông Võ Văn Đ1 nhận hàng tại Công ty Phúc L, tổng cộng 31 lần, với tổng số tiền hàng là 3.345.450.000 đồng. Toàn bộ số tiền này L đều nợ lại, đến cuối tháng 10/2017 bà Vũ Thị P thấy L nợ tiền mua hàng trên 03 tỷ đồng mà vẫn chưa thanh toán. Bà P đến gặp L đề nghị thanh toán, L nói số hàng đó là ông Đ1 lấy chứ L không lấy và không biết. Nghe vậy, bà P đến gặp ông Đ1 và yêu cầu ông Đ1 cầm sổ bán hàng (sổ ông Đ1 ký nhận hàng hộ cho L) đến nhà để L ký xác nhận vào. Ngày 18/11/2017, ông Đ1 đến gặp L, L đưa cho ông Đ1 một tờ giấy (bản photocopy) với nội dung L đã trả cho bà P số tiền 3.000.000.000 đồng vào ngày 07/7/2017 và nói với ông Đ1 là mình đã trả đủ cho bà P hết số nợ mua hàng mà L đã nhờ ông Đ1 ký nhận hộ năm 2017, ông Đ1 mang về cho bà P xem. Thấy vậy, ngày hôm sau (ngày 19/11/2017) bà P đến gặp L để hỏi về tờ giấy gốc, L nói đã trả tiền rồi và không đưa giấy tờ gốc, L còn hỏi lại bà P số nợ mua phân do chính L ký đầu? Nếu có thì L sẽ trả tiền. Bà P cho rằng mình chỉ nhận từ L số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 07/7/2017 cho khoản nợ cũ, không ký giấy nhận số tiền 3.000.000.000 đồng như L nói, đồng thời nghi ngờ nội dung trong giấy trả tiền có dấu hiệu bị tẩy xóa, sửa chữa nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà P đã làm đơn tố cáo L đến Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra xác định được: ngày 07/3/2017, Trương Thị Mỹ L trả cho bà Vũ Thị P 700.000.000 đồng tại nhà L và ngày 23/3/2017 L trả cho bà P 1.000.000.000 đồng tại bùng binh đầu cầu ĐắkB, tỉnh Kon Tum. Tổng cộng số tiền 1.700.000.000 đồng là để trả nợ cho khoản mua hàng của bà P giai đoạn từ ngày 16/3/2016 đến ngày 14/10/2016. Ngày 07/7/2017, L chỉ trả cho bà P số tiền là 300.000.000 đồng để thanh toán cho khoản nợ mua của bà P giai đoạn từ ngày 02/02/2017 đến ngày 13/4/2017, nhưng L đã sửa chữa nội dung viết trong quyển sổ là bà P đã nhận của L số tiền 300.000.000 đồng thành số tiền 3.000.000.000 đồng nhằm chiếm đoạt của bà P số tiền là 3.345.450.000 đồng.

Quá trình điều tra, gia đình Trương Thị Mỹ L đã khắc phục 500.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2020/HS-ST ngày 11/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum áp dụng khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trương Thị Mỹ L 10 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: buộc Trương Thị Mỹ L phải tiếp tục trả cho bà Vũ Thị P số tiền 2.817.450.000 đồng, buộc ông Võ Văn Đ1 trả cho L số tiền 636.200.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định kê biên 04 quyền sử dụng đất mang tên Trương Thị Mỹ L, hủy bỏ một phần Lệnh kê biên tài sản số 02/PC02

ngày 23/4/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum, trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đỗ Văn Đ, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Trương Thị Mỹ L kháng cáo xin giảm hình phạt, xem xét lại trách nhiệm dân sự và kê biên quyền sử dụng đất; bị hại bà Vũ Thị P kháng cáo đề nghị tăng hình phạt, xem xét lại số tiền 28.000.000 đồng L nộp cho Cơ quan điều tra là tiền trả nợ giai đoạn 2, không phải tiền khắc phục hậu quả và không đồng ý hủy bỏ lệnh kê biên, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-KNPT ngày 25/11/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đề nghị tăng hình phạt đối với Trương Thị Mỹ L, đề nghị quy kết trách nhiệm của L đối với số tiền 636.200.000 đồng mà ông Đ1 mua hàng của L và buộc L phải hoàn trả cho bị hại 3.345.450.000 đồng, đề nghị kê biên 02 quyền sử dụng đất đứng tên ông Đỗ Văn Đ (chồng của L) để bảo đảm thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02 nêu trên.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 196/2021/HS-PT ngày 22/4/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định sửa Bản án hình sự sơ thẩm, xử phạt Trương Thị Mỹ L 09 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự, buộc Trương Thị Mỹ L phải tiếp tục trả cho bà Vũ Thị P số tiền 2.271.775.000 đồng, ghi nhận đã trả 70.000.000 đồng (theo Biên lai số 6660 ngày 23/3/2021 và số 5426 ngày 02/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum), còn phải trả 2.201.775.000 đồng; buộc ông Võ Văn Đ1 hoàn trả cho L số tiền 636.200.000 đồng.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 13/2023/KN-HS ngày 25/10/2023, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án hình sự phúc thẩm số 196/2021/HS-PT ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về phần trách nhiệm dân sự và đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hình sự phúc thẩm nêu trên về phần trách nhiệm dân sự để xét xử phúc thẩm lại.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh

Trương Thị Mỹ L và bà Vũ Thị P ký kết hợp đồng mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, L đã có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của bà Vũ Thị P. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm kết án L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về số tiền chiếm đoạt

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định trong khoảng thời gian từ ngày 26/3/2017 đến ngày 22/9/2017, ông Võ Văn Đ1 đã 31 lần nhận hàng từ Công ty Phúc L, với tổng số tiền hàng là 3.345.450.000 đồng. Trong số 31 lần nhận hàng này, thì có 08 lần ông Đ1 thỏa thuận với Trương Thị Mỹ L mua lại một số mặt hàng (trong số hàng ông Đ1 nhận của bà Vũ Thị P) để ông Đ1 bán cho người khác. Giá trị tiền hàng nằm trong 08 lần mà ông Đ1 đã mua lại từ L là 636.200.000 đồng, ông Đ1 chưa trả cho L, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xác định L chiếm đoạt số tiền này, từ đó xác định số tiền L chiếm đoạt của bà P là 3.345.450.000 đồng - 636.200.000 đồng = 2.709.250.000 đồng.

[2.2] Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào Sổ ghi 500 trang (không đánh số bút lục) của Trương Thị Mỹ L để xác định từ ngày 26/3/2017 đến ngày 22/9/2017 L đã mua hàng của bà Vũ Thị P 23 lần, với tổng số tiền là 2.771.775.000 đồng và nhận định chứng cứ này phù hợp với các chứng cứ khác về chủng loại, số lượng, thời gian cũng như các cuộc gọi đi, gọi đến của L đối với bà P và ông Đ1. Đồng thời, Tòa án cấp phúc thẩm trừ giá trị tiền hàng mà ông Đ1 mua lại của bà P thể hiện trên 08 hóa đơn với số tiền 636.200.000 đồng, từ đó xác định số tiền chiếm đoạt của bị cáo L đối với bà P chỉ còn 2.771.775.000 đồng - 636.200.000 đồng = 2.134.575.000 đồng.

[3] Xét thấy, Sổ ghi 500 trang (tại các tờ 172, 173, 174) của Trương Thị Mỹ L mà Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ để xác định số tiền chiếm đoạt là sổ do L ghi để theo dõi, không có chữ ký của ông Võ Văn Đ1 và trong sổ này còn ghi rất nhiều thông tin có nội dung giao hàng, cho vay nợ, thế chấp của L đối với nhiều người khác. Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 31/12/2019 (bút lục 940) L giải thích về nội dung ghi tại các tờ 172, 173, 174 của Sổ ghi 500 trang như sau: *“Đây là quyển sổ của tôi ghi ra, tôi muốn ghi gì thì tôi ghi”*.

[4] Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, các Phiếu giao hàng giữa Công ty Phúc L với ông Võ Văn Đ1 (bút lục 393-427) và Sổ ghi giao hàng của Công ty Phúc L với ông Đ1 (ghi riêng 01 sổ) đều có chữ ký nhận hàng của ông Võ Văn Đ1, số lượng, chủng loại hàng cũng phù hợp với nhau. Hơn nữa, theo lời khai của ông Võ Văn Đ1 (bút lục 944 - 947) và Phiếu mua hàng do ông Đ1 cung cấp (bút lục 507 - 510, 514, 516, 517, 521, 522) thì từ ngày 21/4/2017 đến ngày 20/7/2017 ông Đ1 mua phân bón của Trương Thị Mỹ L 08 lần trong 08 chuyến hàng. Đối chiếu với các chuyến hàng được xác nhận theo Phiếu giao hàng và Sổ ghi giao hàng thì có đầy đủ cả 08 chuyến hàng mà sau đó ông Đ1 thỏa thuận với L mua lại một số mặt hàng. Còn nếu căn cứ vào Sổ ghi 500 trang của L thì không có đủ 08 chuyến hàng này (thiếu chuyến của các ngày 21/4/2017, 12/6/2017, 24/6/2017, 02/7/2017). Do đó, Sổ ghi 500 trang của L không phải chứng cứ khách quan để xác định số lượng chuyến hàng mà ông Đ1 đã nhận của Công ty Phúc L. Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào Sổ ghi 500 trang này để xác định số tiền Trương Thị Mỹ L chiếm đoạt của bà Vũ Thị P là chưa phù hợp, đánh giá không khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*

Đối với số tiền 28.000.000 đồng mà ngày 26/01/2018 Trương Thị Mỹ L nộp cho Cơ quan điều tra để trả cho bà Vũ Thị P, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tiền khắc phục hậu quả nên đã trừ số tiền này trong phần trách nhiệm dân sự của L phải bồi thường cho bà P, trong khi Tòa án cấp phúc thẩm lại xác định đây là tiền thanh toán khoản nợ còn lại của giai đoạn 2. Việc làm rõ số tiền này là căn cứ để xác định phần trách nhiệm dân sự mà Trương Thị Mỹ L còn phải trả cho bà P.

[6] Như vậy, cần phải hủy Bản án hình sự phúc thẩm về phần trách nhiệm dân sự để làm rõ số tiền mà Trương Thị Mỹ L đã chiếm đoạt của bà Vũ Thị P, làm rõ số tiền 28.000.000 đồng là tiền thanh toán nợ còn lại của giai đoạn 2 hay tiền khắc phục hậu quả, nhằm xác định chính xác trách nhiệm dân sự trả tiền mua hàng của L đối với bà P, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bà P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 382; khoản 3 Điều 388; Điều 391 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 13/2023/KN-HS ngày 25/10/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 196/2021/HS-PT ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về phần trách nhiệm dân sự để xét xử phúc thẩm lại.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Vụ 7 - VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng (kèm HSVA);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Trại giam Gia T, Cục C10- Bộ Công an;
- Bị cáo Trương Thị A (qua trại giam);
- UBND xã Đăk N, huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum;
- Vụ PC và QLKH, TANDTC;
- Lưu: TKPCA TT, Vụ GDKTI (03_{MTrg}), HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trí Tuệ